UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG UÔNG BÍ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2945 /QĐ-UBND	*Uông Bí, ngày 22 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án:
Đầu tư xây dựng cống thoát nước và đường gom phía Bắc dọc Quốc lộ 18 đoạn từ đường Tuệ Tĩnh đến cầu Sến, phường Uông Bí

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ Quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng

công bố Hướng dẫn xác định khối lượng công trình;

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22/6/2026 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 9947/BXD-VPB ngày 29/6/2026 về việc thay thế phụ lục kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD hướng dẫn nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 38/2026/TT-BXD về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 6091/SXD-QLĐTXD ngày 02/7/2026 của Sở Xây dựng V/v hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phân bổ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 30/9/2026 của UBND phường Uông Bí về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng cống thoát nước và đường gom phía Bắc dọc Quốc lộ 18 đoạn từ đường Tuệ Tĩnh đến cầu Sến, phường Uông Bí;

Căn cứ Văn bản số 92/KQ-XDNN&MT ngày 22/10/2026 của phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường phường Uông Bí về việc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Đầu tư xây dựng cống thoát nước và đường gom phía Bắc dọc Quốc lộ 18 đoạn từ đường Tuệ Tĩnh đến cầu Sến, phường Uông Bí;

Theo đề nghị của Trung tâm Cung ứng dịch vụ phường Uông Bí tại Tờ trình số 466/TTr-CUDV ngày 22/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Đầu tư xây dựng cống thoát nước và đường gom phía Bắc dọc Quốc lộ 18 đoạn từ đường Tuệ Tĩnh đến cầu Sến, phường Uông Bí, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng cống thoát nước và đường gom phía Bắc dọc Quốc lộ 18 đoạn từ đường Tuệ Tĩnh đến cầu Sến, phường Uông Bí.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình: Dự án nhóm C, Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

Thời hạn sử dụng của công trình: Theo tiêu chuẩn thiết kế.

3. Mã định danh: 8227336.

4. Địa điểm xây dựng dự án: Phường Uông Bí, thành phố Quảng Ninh; điểm đầu tuyến giao với phố Tuệ Tĩnh, điểm cuối tuyến cầu Sến; diện tích sử dụng của dự án: 1,2ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường Uông Bí.

6. Chủ đầu tư: Trung tâm Cung ứng dịch vụ phường Uông Bí.

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự toán công trình:

+ Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Thái Bình Dương. Mã số doanh nghiệp: 5700518300.

8. Mục tiêu dự án: Việc đầu tư Đầu tư xây dựng cống thoát nước và đường gom phía Bắc dọc Quốc lộ 18 đoạn từ đường Tuệ Tĩnh đến cầu Sến, phường Uông Bí nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu sau:

- Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo an toàn giao thông, phục vụ cho nhu cầu và mục tiêu phát triển đô thị, nâng cao đời sống của nhân dân và phù hợp với quy hoạch chung của phường, góp phần đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tăng khả năng thoát nước từ phía bắc Quốc lộ 18, xử lý ngập úng thường xuyên khi mưa lớn tại khu vực dọc Quốc lộ 18;

- Thúc đẩy phát triển kinh tế trong khu vực và của Phường; đảm bảo an sinh xã hội, ổn định đời sống của nhân dân, tạo tiền đề cho sự phát triển trước mắt cũng như lâu dài, theo định hướng phát triển chung của phường Uông Bí.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

Đầu tư xây dựng mới hệ thống cống hộp KĐ1,5m và đường gom phía Bắc dọc Quốc lộ 18, đoạn từ đường Tuệ Tĩnh đến cầu Sến, gồm 02 đoạn tuyến với tổng chiều dài: L = 1403,72m. Trong đó: Tuyến cống hộp dài 1194,71m; tuyến đường gom dài 209,01m. Thiết kế hệ thống vỉa hè, rãnh dọc, cây xanh đồng bộ trên tuyến

-Tuyến chính: Đầu tư xây dựng mới hệ thống cống hộp KĐ1,5m từ đường Tuệ Tĩnh đến Cầu Sến để tăng cường khả năng thoát nước. Thiết kế hệ thống vỉa hè, rãnh dọc, cây xanh đồng bộ trên tuyến

- Tuyến đường gom : Thiết kế theo quy mô đường phân khu vực, cấp khu vực QCVN 07/2023, vận tốc thiết kế Vtk = 40Km/h.

9.1. Đường giao thông

a, Bình đồ:

-Tuyến chính: Điểm đầu tuyến giao với đường Tuệ Tĩnh (Km78+762 – Quốc lộ 18), điểm cuối tuyến kết thúc tạicầu Sến (Km77+567 – Quốc lộ 18). Chiều dài tuyến 1194,71m.

- Tuyến đường gom: Điểm đầu tuyến giao với đường khu đô thị hiện hữu (Km78+83 – Quốc lộ 18), điểm cuối tuyến giao với đường khu đô thị (Km77+875 – Quốc lộ 18). Chiều dài tuyến 209,01m.

b, Trắc dọc: Vuốt nối êm thuận với các tuyến đường hiện trạng.

- Tuyến chính:

+ Cao độ thiết kế điểm đầu tuyến: + 4,66m.

+ Cao độ điểm cuối tuyến: +3,94m.

+ Độ dốc dọc lớn nhất Imax=1,1%; độ dốc dọc nhỏ nhất Imin=0,0%.

- Tuyến đường gom:

+ Cao độ thiết kế điểm đầu tuyến: + 4,46m.

+ Cao độ điểm cuối tuyến: +4,05m.

+ Độ dốc dọc lớn nhất Imax=0,46%; độ dốc dọc nhỏ nhất Imin=0,1%.

c, Trắc ngang:

- Loại 1: Đoạn từ đầu tuyến đến Km0+647,36 và đoạn từ Km1+84,48 đến cuối tuyến (Đoạn tuyến cải tạo vỉa hè, thoát nước....).

+ Chiều rộng vỉa hè: B_{vh} = 1,25-10,92m.

- Loại 2, 3: Đoạn từ Km0+647,36 đến Km0+853,31 (Đoạn tuyến cải tạo vỉa hè và làm mới đường gom).

+ Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt}$ = 3,5 -:-5,5m.

+ Chiều rộng rãnh tam giác: B_{rtg} = 2 x 0,25m.

+ Chiều rộng vỉa hè: B_{vh} = 0,45-3,5m.

- Loại 4: Đoạn từ Km0+853,31 đến Km1+84,48 (Đoạn tuyến cải tạo vỉa hè và thảm tăng cường trên đường gom cũ).

+ Chiều rộng mặt đường trung bình: $B_{mặt}$ = 5,5m.

+ Chiều rộng rãnh tam giác: B_{rtg} = 2 x 0,25m.

+ Chiều rộng vỉa hè: B_{vh} = 0,45-5,5m.

d, Nền, mặt đường: Nền đường lu nèn đảm bảo đảm bảo sức chịu tải CBR tối thiểu bằng 4.

Kết cấu mặt đường tính toán với tải trọng tiêu chuẩn P=10T, Mô đun đàn hồi Eyc=120Mpa.

- Kết cấu áo đường cạp mở rộng, làm mới (KC1):

+ Thảm lớp BTNC 16 dày 7cm.

+ Tưới nhũ tương dính bám CRS-1h tc 0,5lit/m2.

+ Mặt đường bê tông xi măng M250 đá 2x4 dày 20cm.

+ Móng cấp phối đá dăm loại I dày 18 cm.

+ Nền đường đầm chặt K95.

- Kết cấu áo đường tăng cường (KC2):

+ Thảm lớp BTNC 16 dày 7cm.

+ Tưới nhũ tương dính bám CRS-1h tc 0,5lit/m2.

+ Mặt đường hiện trạng.

9. 2. Cống dọc KĐ150.

- Tải trọng thiết kế: HL-93. Tần suất lũ thiết kế: P = 4%.

- *Kết cấu cống hộp KĐ1,5m:* Thân cống lắp ghép bằng các đốt cống BTCT M300 đá 1x2 đúc sẵn dài 1m. Móng cống bêtông cốt thép M200 đá 1x2 lắp ghép trên lớp đá mạt đệm dày 10cm. Sân cống, sân gia cố, tường cánh bằng bằng bê tông M200 đá 2x4cm đổ tại chỗ.

- *Hố ga trên cống dọc KĐ150cm.*

- Thiết kế hố ga trên cống dọc KĐ150cm với khoảng cách trung bình 80m/1 hố. *Kết cấu* Móng, thân, tường hố ga bằng BTCT M250 đá 1x2 đổ trực tiếp. Trên lớp bê tông lót M150 dày 10cm. Nắp hố ga lắp đặt Nắp thăm bằng gang kích thước khung ngoài 90x90cm, nắp mở đường kính 70cm. Tải trọng 400kN tại vị trí hố dưới lòng đường và 125kN tại vị trí hố trên vỉa hè.

9. 3. Công trình hạ tầng kỹ thuật

-. Rãnh tam giác: Rãnh tam giác kết cấu bằng đá xẻ kích thước 40x25x5cm lắp ghép trên lớp đệm BTXM M150 đá 1x2 dầy 5cm.

- Viên bó vỉa: Viên bó vỉa vỉa hè bằng đá xẻ kích thước 80x30x20cm trên đường thẳng và kích thước 30x30x20cm trong đường cong trên lớp đệm BTXM M150 đá 1x2 dầy 5cm.

- Rãnh dọc: Thiết kế hệ thống rãnh dọc KĐ 60cm làm nhiệm vụ thu nước mặt đường và vỉa hè. Kết cấu rãnh KĐ60 Bản đậy bê tông cốt thép M250 đá 1x2cm; Mũ mố bê tông cốt thép M200 đá 1x2cm; Tường rãnh xây gạch vữa xi măng M75 dày 22 cm; Mặt lộ trát vữa XM M75 dầy 1,5cm; Móng rãnh đổ bê tông M150 đá 2x4 dầy 10cm trên lớp đá mạt đệm dày 5cm. phạm vi trong lòng đường dùng cống hộp KĐ 60cm Thân cống lắp ghép bằng các đốt cống BTCT 25Mpa đá 1x2 đúc sẵn dài 1,5m. Lót móng bê tông xi măng 12Mpa đá 2x4 dày 10cm trên lớp đá mạt đệm dày 10cm.

- Hố ga thăm trên vỉa hè rãnh KĐ60cm.

Trên rãnh dọc thiết kế hố thu nước khoảng cách các hố thu cách nhau khoảng 40m/01 hố. Kết cấu Đệm đá mạt móng dày 10cm; Móng hố thu đổ bê tông M150 đá 2x4cm dày 15cm; Tường hố xây gạch vữa xi măng M75 dày 22cm. Trát mặt lộ vữa xi măng M75 dày 1,5cm; Mũ mố đổ bê tông cốt thép M200 đá 1x2cm; Bản đậy bê tông cốt thép M250 đá 1x2cm.

-. Hố thu nước trực tiếp.

+ Hố thu nước trực tiếp bố trí khoảng cách (20,0-30,0)m/hố. Kết cấu hố thu nước: Móng, tường BTXM M150 dày 10cm, mũ mố, tấm đan bằng BTCT 16Mpa gắn song chắn rác bằng gang đúc kích thước 0,3x1,0m;

+ Thiết kế hệ thống rãnh xương cá dẫn nước từ hố thu trực tiếp vào rãnh dọc bằng ống PVC D315.

9.4. Vỉa hè, cây xanh: Lát gạch Coric kích thước 40x40x5cm. Trên lớp bê tông M150 đá 1x2 dày 10cm. Bố trí trồng cây xanh bổ sung trên tuyến, tại các vị trí còn thiếu. (trồng cây Bàng đài loan H>=3m; D thân = 10-12cm).

9.5. Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải trên tuyến bao gồm: Các tuyến ống thoát nước thải bằng HDPE D250mm. Các ga thăm, ga thu nước thải, ga kỹ thuật. Kết cấu cống thoát nước thải bằng ống nhựa HDPE D250mm. Kết cấu hố ga Móng đệm đá mạt, móng cống BTXM M150 đá 2x4, tường hố ga trên hè xây gạch vữa M75; dưới lòng đường bằng BTCT M250, mũ mố BTCT M200 đá 1x2, bản đậy BTCT M250 đá 2x4.

9.6., Công trình an toàn giao thông: Thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được lựa chọn:

10.1. Số bước thiết kế: 01bước (Báo cáo kinh tế kỹ thuật).

10.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Đường ôtô - Yêu cầu thiết kế: TCVN 4054-2005;
- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế: TCVN 13592:2022
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống hạ tầng kỹ thuật: QCVN 07:2023/BXD
- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế - TCCS 38:2022/TCDBVN;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống hạ tầng kỹ thuật: QCVN 07:2023/BXD;
- Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế - TCVN 2737:2023;
- Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ: TCVN 9845:2013;
- Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế: TCVN 13615:2022;
- Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 2737:2023;
- Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép: TCVN 5574:2018;
- Ống cống BTCT thoát nước : TCVN 9113:2012 ;
- Cống hộp bê tông cốt thép : TCVN 9116:2012
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư: **23.500.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	21.020.432.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	483.589.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	1.411.972.000	đồng;
- Chi phí khác:	177.757.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	406.250.000	đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách phường (Từ ngân sách Tỉnh hỗ trợ và ngân sách phường).

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

+ Năm 2026: 7.000.000.000 đồng;

+ Năm 2027, 2028: Phần còn lại.

14. Hình thức tổ chức quản lý: Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, giao Trung tâm Cung ứng dịch vụ phường triển khai các bước tiếp theo đảm bảo đúng các quy định.

- Rà soát toàn bộ hồ sơ, thực hiện đảm bảo nội dung theo ý kiến của phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường tại Văn bản số 92/KQ-XDNN&MT ngày 22/10/2026 về việc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trước khi triển khai các bước tiếp theo.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ dự án; trong quá trình triển khai các bước tiếp theo của dự án phải kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường; Trưởng phòng giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực 3; Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG UÔNG BÍ T.P QUẢNG NINH

Đào Văn Phức

